

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 280/2020/DS-PT
Ngày: 20/7/2020
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Như Lâm

Các thẩm phán: Ông Vũ Toàn Giang

Ông Đỗ Minh Hoàng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vương Thùy Dương - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên

Trong ngày 17, 20/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 189/2019/TLPT-DS ngày 06/6/2019 về: "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 253/2019/QĐ-PT ngày 06/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Loan; sinh năm: 1959; nơi cư trú: 139/81 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

1.2. Bà Nguyễn Thị Dung; sinh năm: 1966; nơi cư trú: Số 8, ngách 254/7, ngõ 254, phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Tiến Thịnh; sinh năm: 1952; nơi cư trú: Số 42 tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

2.2. Ông Nguyễn Tiến Phương; sinh năm: 1956; nơi cư trú: Số 149A, đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

2.3. Ông Nguyễn Tiến Cường; sinh năm: 1974; nơi cư trú: Số 149B, đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Ông Nguyễn Văn Thanh; sinh năm: 1963; có mặt tại phiên tòa.
- 3.2. Ông Nguyễn Tiến Sơn; sinh năm: 1969; có mặt tại phiên tòa.
- 3.3. Bà Nông Thị Minh Thắng; sinh năm: 1976; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.
- 3.4. Bà Trần Thị Thủy; sinh năm: 1971; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.
Ông Thanh, ông Sơn, bà Thắng, bà Thủy cùng trú tại: Số 8, ngách 254/7 ngõ 254 Phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
- 3.5. Bà Nguyễn Thị Thên; sinh năm: 1954; vắng mặt tại phiên tòa.
- 3.6. Bà Nguyễn Thị Thủy; sinh năm: 1972; vắng mặt tại phiên tòa.
Bà Thên, bà Thủy cùng trú tại: Số 42, tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
- 3.7. Ông Nguyễn Văn Hải; sinh năm 1961; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.
- 3.8. Bà Đào Thị Bẩy; sinh năm: 1966; vắng mặt tại phiên tòa.
Ông Hải, bà Bẩy cùng trú tại: Số 2, phố Vọng, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- 3.9. Bà Nguyễn Thị Gái; sinh năm: 1948; vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 17 ngõ Chùa Hưng Ký, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Xóm 3, thôn Vũ Điện, xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.
- 3.10. Bà Nguyễn Thị Chanh; sinh năm: 1978; vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Số 149B, Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
- 3.11. Bà Lê Thị Tuyết; sinh năm: 1958; vắng mặt tại phiên tòa.
- 3.12. Anh Nguyễn Tiến Phong; sinh năm: 1979; vắng mặt tại phiên tòa.
Bà Tuyết, anh Phong cùng trú tại: Số 123, đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
- 3.13. Bà Nguyễn Thị Phúc; sinh năm: 1952; có mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: 26B ngõ 296 Phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
- 3.14. Ông Đào Ngọc Tươi; sinh năm: 1960; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.
- 3.15. Bà Nguyễn Thị Ngà; sinh năm: 1970; vắng mặt tại phiên tòa.
Ông Tươi, bà Ngà cùng trú tại: Số 8/37 ngõ Tân Lạc, phố Đại La, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- 3.16. Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Trụ sở: Khu hành chính quận Hoàng Mai, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Người đại diện theo Pháp luật: Ông Nguyễn Quang Hiếu - Chủ tịch UBND quận Hoàng Mai. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Minh Tú - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất quận Hoàng Mai; vắng mặt tại phiên tòa.
- 3.17. Những người đang ở trên nhà đất tại số 8 ngách 254/7 ngõ 254 Phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội**
 1. Anh Nguyễn Thanh Tùng; sinh năm: 1988; vắng mặt tại phiên tòa.
 2. Chị Nguyễn Hồng Anh; sinh năm: 1988; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Chị Trịnh Hải Yến; sinh năm: 1997; vắng mặt tại phiên tòa.

3.18. Những người đang thuê nhà tại số 8 ngách 254/7 ngõ 254 Phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội

1. Chị Nguyễn Thị Thu Huệ; sinh năm: 1995; vắng mặt tại phiên tòa.
2. Chị Nguyễn Thị Ngọc Minh; sinh năm: 1992; vắng mặt tại phiên tòa.
3. Anh Phạm Đình Nam; sinh năm: 1989; vắng mặt tại phiên tòa.
4. Chị Phạm Thị Hạnh; sinh năm: 1992; vắng mặt tại phiên tòa.
5. Anh Phùng Văn Dưỡng; sinh năm: 1988; vắng mặt tại phiên tòa.
6. Chị Lê Thu Hằng; sinh năm: 1976; vắng mặt tại phiên tòa.
7. Anh Đinh Công Tuấn Ngọc; sinh năm: 1994; vắng mặt tại phiên tòa.
8. Anh Đinh Trọng Hiếu; sinh năm: 1994; vắng mặt tại phiên tòa.
9. Anh Đinh Công Phước An; sinh năm: 1999; vắng mặt tại phiên tòa.
10. Anh Bùi Văn Quyền; sinh năm: 1971; vắng mặt tại phiên tòa.
11. Anh Bùi Quốc Phi; sinh năm: 1973; vắng mặt tại phiên tòa.
12. Bà Bùi Thị Minh; sinh năm: 1960; vắng mặt tại phiên tòa.
13. Ông Nguyễn Chiến Thắng; sinh năm: 1963; vắng mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo là ông Nguyễn Tiến Phương người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 05 năm 2009 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Loan và bà Nguyễn Thị Dung thống nhất trình bày:

Bố mẹ các bà là cụ Nguyễn Tiến Đức và cụ Nguyễn Thị Thềm. Cụ Đức sinh năm 1931, mất năm 2011, trước khi mất có để lại di chúc, cụ Thềm sinh năm 1929, mất năm 2007, khi mất không để lại di chúc. Hai cụ sinh được 08 người con là: Nguyễn Tiến Thịnh, Nguyễn Tiến Phương, Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Tiến Sơn và Nguyễn Tiến Cường. Cụ Đức còn có 01 người con riêng là Nguyễn Thị Phúc. Ngoài ra, hai cụ không có người con nuôi, con riêng nào khác.

Sinh thời, cụ Đức, cụ Thềm có 03 khối tài sản gồm:

1. Nhà đất tại địa chỉ tổ 1, phường Mai Động, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (nay là số 8 ngách 254/7 ngõ 254 Phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội) có nguồn gốc là của tổ tiên để lại cho các cụ. Trên đất có 01 nhà ngói 05 gian. Thời kỳ chiến tranh, nhà này đã bị bom phá hỏng, sau đó, hai cụ xây dựng lại thành nhà mái bằng. Năm 2001, cụ Đức, cụ Thềm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất 451m². Tháng 06/2004, cụ Đức và cụ Thềm viết “Giấy cho tài sản”, nội dung chia đất cho các con, mỗi người con trai (trừ ông Thịnh) được 40m², mỗi người con gái được 20m² đất. Ông Phương không nhận nên hai cụ cho con trai ông Phương là anh Nguyễn Tiến Phong 40m². Việc chia đất, hai cụ có lập thành văn bản,

có tổ trưởng tổ dân phố ký làm chứng nhưng chưa làm thủ tục đăng ký sang tên tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Sau khi được chia đất, các con, cháu đã làm nhà trên đất để ở. Cụ thể: ông Thanh xây nhà 2,5 tầng trên diện tích đất khoảng 35m², ông Sơn xây nhà 3 tầng trên diện tích đất khoảng 31m², ông Hải, ông Cường, ông Phương xây nhà cấp IV trên diện tích đất hơn 40m² và bà Dung xây nhà cấp 4 diện tích 20m². Còn lại một phần đất trống của bà Loan và khu nhà thờ khoảng 89m². Khi bà Loan định vào xây nhà trên phần đất được chia thì Cụ Đức và các anh em trai không đồng ý cho xây nên gia đình phát sinh tranh chấp.

Năm 2006, cụ Thêm và cụ Đức bán cho ông Đào Ngọc Tươi, bà Nguyễn Thị Ngà diện tích đất khoảng 40m². Ông Tươi, bà Ngà đã xây nhà cấp 4 và hiện nay đã sửa thành nhà 02 tầng lợp mái tôn. Cùng năm đó, cụ Đức, cụ Thêm đã phá nhà mái bằng, xây dựng thành nhà thờ lợp ngói như hiện nay và 01 gian nhà mái bằng nhỏ cạnh sân nhà thờ cho cụ Đức ở. Tiền xây dựng do các cụ bán đất cho ông Tươi, bà Ngà mà có, con cái không ai phải đóng góp gì. Cụ Thêm ở tại nhà đất của cụ ở đường Tam Trinh cho đến lúc mất.

Năm 2007, cụ Thêm mất. Sau khi cụ Thêm mất, cụ Đức và các con là ông Thanh, ông Sơn, bà Dung vẫn quản lý, sử dụng nhà đất. Ông Phương, ông Hải, ông Cường xây nhà nhưng không ở mà cho người khác thuê.

Năm 2011, cụ Đức mất. Trước khi mất cụ có di chúc để lại tài sản cho 05 con trai (trừ ông Thịnh). Sau khi cụ Đức mất, ông Thanh, ông Sơn, bà Dung vẫn ở trên nhà đất này cho đến nay.

2. Nhà đất tại địa chỉ số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, diện tích 51,3m² có nguồn gốc năm 1986, Hợp tác xã Mai Động cấp cho cụ Thêm để làm dịch vụ. Cụ Thêm đã xây nhà tạm trên đất. Năm 1990, cụ Thêm phá nhà tạm xây thành 02 nhà: 01 nhà 02 tầng và 01 nhà 01 tầng. Nhà 02 tầng cụ Thêm ở, nhà 01 tầng cho ông Phương làm văn phòng, sau này ông Phương cho con là Nguyễn Tiến Phong đứng tên. Năm 2007, sau khi cụ Thêm mất, ông Phương vẫn sử dụng nhà đất này, nhà 02 tầng của cụ do ông Cường quản lý sử dụng cho đến nay.

3. Diện tích 160m² đất tại địa chỉ tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Nguồn gốc năm 1981, cụ Thêm được Hợp tác xã Mai Động cấp. Năm 1984, cụ Thêm xây dựng nhà cấp 4 và cho vợ chồng ông Thịnh đến ở và trông nom. Quá trình ở, vợ chồng ông Thịnh có lấn chiếm khoảng 200m² đất ao của Hợp tác xã. Khi còn sống, cụ Thêm đồng ý cho vợ chồng ông Thịnh bán đi một nửa đất để xây dựng nhà, đến nay diện tích đất còn lại khoảng 80m², vợ chồng ông Thịnh đang quản lý sử dụng. Diện tích đất này hiện nay ở địa chỉ số 27, ngõ 85, đường Lĩnh Nam, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội nhưng khi làm đơn yêu cầu định giá nguyên đơn viết nhầm thành số 42, tổ 49, phường Mai Động là địa chỉ quán bán hàng của ông Thịnh.

Ngoài ra, cụ Thêm còn có một phần diện tích đất nông nghiệp bị Nhà nước thu hồi, được đền bù số tiền 390.000.000 đồng, gửi tiết kiệm đứng tên ông Phương và chị Thủy con ông Thịnh.

Ngày 18/05/2009, các bà đã có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của cụ Thêm để lại tại số 8 ngách 254/7 ngõ 254 Phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, nhà đất tại địa chỉ số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội và diện tích đất tại tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Tòa án đã thụ lý để giải quyết, sau khi xét xử sơ thẩm, bản án sơ thẩm bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội hủy và chuyển hồ sơ về cho Tòa án quận Hoàng Mai giải quyết lại.

Sau khi Tòa án Hoàng Mai thụ lý lại, ngày 16/08/2013, các bà có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia thừa kế số tiền 390.000.000 đồng theo quy định của Pháp luật và nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu này. Quá trình giải quyết vụ án, các anh chị em trong gia đình đã tự thỏa thuận được với nhau về số tiền 390.000.000 đồng nên ngày 11/07/2018, các bà đã có đơn xin rút yêu cầu chia thừa kế số tiền 390.000.000 đồng.

Ngày 12/11/2018, các bà tiếp tục có đơn xin rút yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Thêm để lại là nhà đất tại 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội và diện tích đất 160m² tại tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Nay các bà giữ nguyên quan điểm chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của cụ Thêm để lại trong khối tài chung với cụ Đức là nhà đất tại số 8, ngách 254/7, ngõ 254, phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo quy định của Pháp luật, các khối tài sản đã rút, các bà không yêu cầu giải quyết. Kỷ phần của các bà, các bà yêu cầu được hưởng thừa kế bằng hiện vật.

Đối với diện tích đất khoảng gần 40m² cụ Đức và cụ Thêm đã bán cho vợ chồng ông Đào Ngọc Tươi và bà Nguyễn Thị Ngà, hiện nay ông Tươi, bà Ngà đang quản lý sử dụng, các bà đề nghị Tòa án trừ đi, không đưa vào di sản của cụ Đức, cụ Thêm để chia thừa kế.

Bị đơn - ông Nguyễn Tiến Thịnh trình bày:

Ông xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm cụ Đức, cụ Thêm mất, về quan hệ huyết thống của gia đình, về hàng thừa kế và nguồn gốc các di sản của bố mẹ ông là cụ Nguyễn Tiến Đức và cụ Nguyễn Thị Thêm để lại tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội và số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Nguyên đơn và người liên quan là ông Thanh yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Đức, cụ Thêm để lại tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, ông cũng nhất trí và đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Về bản di chúc của bố ông lập ngày 03/03/2010, ông có biết nhưng nay không có ý kiến gì. Hiện nay, ông đã có nơi ở ổn định tại tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội nhưng ông đề nghị được chia thừa kế một phần diện tích đất khoảng 10m² để ông làm 01 gian bếp, nấu nướng phục vụ giỗ tết thờ cúng cha mẹ, tổ tiên vì ông là con trưởng trong gia đình.

Riêng khối di sản là diện tích đất tại tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, ông có quan điểm như sau: Diện tích đất này có nguồn gốc là do Hợp tác xã

nông nghiệp chia cho mẹ ông năm 1980, là đất giãn dân có diện tích 160m². Sau đó, cụ Thêm cho vợ chồng ông ở. Theo giấy chia đất là 160m² nhưng thực tế chỉ có 42m² đất. Quá trình ở, vợ chồng ông san lấp, lấn ra xung quanh thành 150m². Năm 1993, được sự đồng ý của cụ Thêm, ông đã bán toàn bộ diện tích này cho ông Trương Như Chung và bà Trịnh Thị Chung nhưng trong giấy bán đất chỉ ghi diện tích 132m². Sau đó, ông Trung, bà Chung đã bán lại cho ông Đặng Văn Em và bà Lê Thị Ngọc Oanh. Năm 2007, ông Em, bà Oanh đã bán lại cho bà Lê Thị Ngọc Liên và ông Nguyễn Hải Phong. Tiền bán đất mẹ ông giữ và cho ông một nửa. Như vậy, toàn bộ diện tích đất giãn dân HTX cấp cho mẹ ông, mẹ ông đã cho bán hết. Nhà đất hiện nay đang ở là do vợ chồng ông khai hoang, tôn tạo mà có. Từ năm 1996, khi cụ Thêm còn sống, vợ chồng ông đã kê khai và đứng tên trong sổ địa chính.

Nay nguyên đơn đã rút yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất này, ông nhất trí và không có ý kiến gì.

Đối với số tiền 390.000.000 đồng và nhà đất tại số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, nguyên đơn rút yêu cầu chia thừa kế, ông cũng đồng ý và không có ý kiến gì khác.

Phần diện tích đất cụ Đức và cụ Thêm đã bán cho ông Đào Ngọc Tươi và bà Nguyễn Thị Ngà ông nhất trí không đưa vào chia thừa kế.

Bị đơn - ông Nguyễn Tiến Phương trình bày:

Ông xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống của gia đình, hàng thừa kế, nguồn gốc các di sản của bố mẹ ông là cụ Nguyễn Tiến Đức và cụ Nguyễn Thị Thêm để lại tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội và tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Nguyên đơn và người liên quan là ông Thanh yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Đức, cụ Thêm là nhà đất tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội ông cũng nhất trí. Đề nghị Tòa án chia thừa kế theo di chúc và theo quy định của Pháp luật. Kỷ phần của ông, ông xin hưởng bằng hiện vật.

Riêng đối với nhà đất tại số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, ông có ý kiến như sau: Khoảng năm 1985, 1986, cụ Thêm được Hợp tác xã nông nghiệp Mai Động chia cho diện tích đất 51,2m² để làm dịch vụ. Trên diện tích đất có nhà tạm do ông làm. Năm 1990, ông và cụ Thêm thỏa thuận phá nhà tạm để xây dựng thành 02 nhà: 01 nhà một tầng cụ Thêm cho ông sử dụng (có giấy tờ cho) làm văn phòng, 01 nhà hai tầng do cụ Thêm sử dụng. Tiền xây dựng cả hai nhà do ông bỏ ra. Hiện nay hai nhà này đánh số 149A ông sử dụng và số 149B ông Cường đang sử dụng. Năm 1995, ông cho con trai ông là Nguyễn Tiến Phong phần nhà 01 tầng. Việc ông cho con trai nhà đất cụ Thêm có biết và không phản đối gì. Anh Phong đứng tên trong sổ địa chính và đã làm thủ tục kê khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp. Toàn bộ diện tích đất này hiện nay nằm trong quy hoạch mở đường của Nhà nước, đã có thông báo thu hồi đất của UBND quận Hoàng Mai nhưng chưa có phương án chi tiết về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

Nay nguyên đơn đã rút yêu cầu chia thừa kế đối với toàn bộ diện tích nhà đất này, ông nhất trí và không có ý kiến gì

Việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế số tiền 390.000.000 đồng và diện tích đất của cụ Thêm để lại tại tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, ông cũng nhất trí.

Đối với phần diện tích đất khoảng 40m² cụ Đức và cụ Thêm đã bán cho ông Tươi và bà Ngà, ông nhất trí đề nghị không đưa vào chia thừa kế.

Bị đơn - ông Nguyễn Tiến Cường trình bày:

Ông xác nhận bố ông là cụ Nguyễn Tiến Đức mất năm 2011 và mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Thêm mất năm 2007, cụ Thêm mất không để lại di chúc, cụ Đức có di chúc phân chia đất cho 05 người con trai, di chúc hiện nay do ông Phương giữ. Hai cụ có 08 người con để là ông Thịnh, ông Phương, bà Loan, ông Hải, ông Thanh, bà Dung, ông Sơn và ông. Khi còn sống hai cụ có 03 khối tài sản như nguyên đơn trình bày, các cụ đã phân chia rõ ràng cho con nào ở đâu, giấy tờ hiện nay ông Phương quản lý.

Đối với diện tích đất tại 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội diện tích 51m² do mẹ ông được HTX Mai Động chia cho để làm dịch vụ. Từ khi ông còn nhỏ đến khi lấy vợ, ông đều ở đây với cụ Thêm. Nhà đất này mẹ ông đã cho ông Phương và ông. Năm 2007, cụ thêm mất, ông vẫn quản lý, sử dụng nhà đất và hàng năm ông đóng thuế đất đầy đủ cho Nhà nước.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế, ông có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật đối với yêu cầu của nguyên đơn. Ông giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại các buổi làm việc trước đây tại cấp sơ thẩm Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, không bổ sung gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - ông Nguyễn Văn Thanh trình bày: Ông xác nhận bố, mẹ ông là cụ Nguyễn Tiến Đức và cụ Nguyễn Thị Thêm sinh được 08 người con, cụ Đức có 01 người con riêng là bà Phúc như nguyên đơn trình bày.

Về nguồn gốc di sản thừa kế tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội và tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, các anh chị ông trình bày là đúng.

Riêng về biến động về nhà đất tại tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, ông có bổ sung như sau: Năm 1990, bố mẹ ông đã họp gia đình và chia đất cho các con: con trai mỗi người 40m² đất, con gái mỗi người được 20m² (có giấy tờ chia đất do ông Phương giữ). Phần diện tích ông được bố mẹ cho, năm 1992, ông đã xây dựng nhà 02 tầng. Khoảng năm 2000, ông làm thêm mái che trên nóc tầng 2. Năm 2003, cụ Đức, cụ Thêm họp gia đình làm biên bản cho ông Sơn xây nhà trên diện tích đất đã chia. Ông Sơn đã xây dựng nhà 03 tầng như hiện nay. Khoảng năm 2005, bố mẹ ông lại họp gia đình chia cho ông Nguyễn Tiến Phương khoảng 40m² đất, chia cho ông Nguyễn Văn Hải 40m² đất, chia cho ông Nguyễn Tiến Cường 40m² đất. Biên bản chia đất này ông Phương giữ. Ngay sau khi được chia đất, ông Hải, ông Phương, ông Cường đã xây dựng nhà cấp 4 như hiện nay.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với phần nhà đất của mẹ ông, ông không có ý kiến gì. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Phần của ông, ông xin được hưởng thừa kế bằng hiện vật.

Ngày 20/06/2018, ông có nộp đơn yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của bố ông để lại tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo di chúc, nếu phần nào chưa được định đoạt trong di chúc thì chia theo Pháp luật và nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu này. Tòa án đã thụ lý để giải quyết. Nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập. Đề nghị Tòa án căn cứ di chúc của bố ông cho ông được hưởng thừa kế bằng hiện vật đối với phần di sản của cụ Đức để lại.

Việc nguyên đơn rút yêu cầu chia thừa kế đối với nhà đất tại số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, diện tích đất tại tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội và số tiền 390.000.000 đồng, ông cũng nhất trí và không có ý kiến gì.

Đối với phần diện tích đất khoảng 40m² cụ Đức và cụ Thêm đã bán cho ông Tươi và bà Ngà, ông nhất trí không đưa vào chia thừa kế.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn Hải trình bày: Ông giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 26/08/2009 về nguồn gốc nhà đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế, về quan hệ huyết thống gia đình, về hàng thừa kế của cụ Đức, cụ Thêm. Nay đối với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn, người liên quan ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật. Hiện nay ông sức khỏe yếu nên không đến Tòa án làm việc được, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Tiến Sơn trình bày:

Ông xác nhận quan hệ huyết thống gia đình, hàng thừa kế và nguồn gốc di sản thừa kế tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội và tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội như các anh chị ông đã trình bày. Sau khi được chia đất, năm 2003, vợ chồng ông đã xây dựng nhà 3 tầng trên đất và ăn ở từ đó cho đến nay. Nay nguyên đơn và người liên quan là ông Thanh yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Đức, cụ Thêm để lại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, quan điểm của ông là đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của các cụ theo quy định của pháp luật và theo di chúc bố ông để lại. Kỷ phần của ông, ông xin nhận bằng đất vì ông đã xây nhà và ăn ở ổn định trên đất từ trước đến nay.

Ngày 11/07/2018 và ngày 12/11/2018, các nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông đã được Tòa án thông báo, ông nhất trí và không có ý kiến gì.

Ông cũng nhất trí phần diện tích đất khoảng 40m² cụ Đức và cụ Thêm đã bán cho ông Tươi, bà Ngà không đưa vào chia thừa kế.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Nông Thị Minh Thắng trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Thanh kết hôn năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại địa chỉ số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Nguồn

gốc đất vợ chồng bà đang ở là do cụ Nguyễn Tiến Đức và cụ Nguyễn Thị Thêm (bố mẹ ông Thanh) cho năm 1993. Khi bà lấy ông Thanh, nhà đất đã có từ trước, bà không xây dựng gì thêm. Bà hoàn toàn nhất trí với ý kiến trình bày của ông Thanh, không bổ sung gì.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bà đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị Thủy trình bày:

Bà và chồng là ông Nguyễn Tiến Sơn kết hôn năm 1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại địa chỉ số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Nguồn gốc đất vợ chồng bà đang ở là do bố mẹ chồng chia cho chồng bà năm 1993. Sau khi lấy ông Sơn, bà cũng có công sức cùng ông Sơn xây dựng nhà 3 tầng như hiện nay. Nay nguyên đơn, người liên quan yêu cầu chia thừa kế nhà đất của cụ Thêm, cụ Đức tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, quan điểm của bà thống nhất với ý kiến ông Sơn đã trình bày, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Đào Thị Bảy trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của chồng bà là ông Nguyễn Văn Hải, không bổ sung gì thêm. Việc nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật, nhà đất của gia đình nhà chồng, bà không liên quan nên đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Chanh trình bày: Bà và ông Nguyễn Tiến Cường kết hôn năm 1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại địa chỉ số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Nguồn gốc nhà đất vợ chồng bà đang ở là của cụ Nguyễn Thị Thêm (mẹ ông Cường) cho ông Cường. Quá trình ở trên đất, bà cũng có công sức cùng ông Cường sửa chữa nhà do cụ Thêm để lại. Nay nguyên đơn, người liên quan là ông Thanh yêu cầu chia thừa kế nhà đất của cụ Đức, cụ Thêm để lại tại số 8, tổ 1 phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, bà nhất trí với ý kiến ông Cường đã trình bày, không bổ sung gì thêm. Đề nghị Tòa án căn cứ Pháp luật giải quyết bảo vệ quyền lợi cho vợ chồng bà. Hiện nay vợ chồng bà đã xây nhà trên đất này nên có nguyện vọng được hưởng thừa kế bằng hiện vật để tiếp tục sử dụng nhà đất.

Đối với việc nguyên đơn rút yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền 390.000.000 đồng, nhà đất tại số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội và diện tích đất tại tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội bà hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị Thủy trình bày:

Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế nhà đất tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội và số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, do chị là cháu, không được hưởng thừa kế nên chị không có ý kiến gì.

Đối với diện tích đất tại tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, chị thống nhất với lời trình bày của bố chị là ông Nguyễn Tiến Thịnh về nguồn gốc và quá

trình sử dụng đất của gia đình chị. Chị đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết đảm bảo quyền lợi cho bố mẹ chị.

Đối với số tiền 390.000.000 đồng là tiền Nhà nước đền bù do thu hồi đất dịch vụ của bà nội chị là cụ Nguyễn Thị Thêm. Sau khi lấy tiền về, các cô, chú trong nhà đã nhờ chị đứng tên sổ tiết kiệm 200.000.000 đồng và ông Phương đứng tên sổ tiết kiệm 190.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - chi nhánh Hoàng Mai, phòng giao dịch số 68. Tháng 7/2018, các cô, chú đã tự thỏa thuận về việc phân chia số tiền này, chị đã đến Ngân hàng để rút toàn bộ số tiền gốc và lãi kèm theo về trả cho các cô chú để các cô chú tự chia nên đến nay, chị không còn liên quan đến số tiền này nữa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- bà Nguyễn Thị Thanh trình bày:

Bà hoàn toàn nhất trí với ý kiến trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Tiến Thịnh về nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà đất tại số 42, tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Khi còn sống, cụ Thêm đã đứng ra bán 132m², còn lại một phần, vợ chồng bà đã đứng ra san lấp ao và ruộng thành diện tích đất như hiện nay. Cụ thể diện tích là bao nhiêu bà không rõ. Hiện nay đất chưa có “sổ đỏ” nhưng ông Thịnh đã đứng tên trong sổ địa chính của phường.

Nay nguyên đơn rút yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất vợ chồng bà đang ở tại tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, nhà đất tại số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội và số tiền 390.000.000 đồng, bà cũng nhất trí và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị Tuyết trình bày: Bà kết hôn với ông Nguyễn Tiến Phương năm 1977, về làm dâu cụ Đức, cụ thêm từ đó cho đến nay. Nguồn gốc nhà đất tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội là của hai cụ được tổ tiên để lại. Khoảng năm 2003, hai cụ chia cho các con trai, con gái một phần diện tích đất để làm nhà ở. Việc phân chia các cụ chỉ nói miệng, không làm thành văn bản. Các cụ có chia cho cháu Phong là con trai bà khoảng 36m², cháu Phong tự bỏ tiền ra xây dựng nhà cấp 4 và cho người khác thuê, vợ chồng bà không có đóng góp gì. Các người con khác của hai cụ cũng đã xây nhà trên đất, bà Loan chưa xây nhà vì có tranh chấp. Nay có việc yêu cầu chia thừa kế của bà Loan, bà Dung, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho các bên. Do bà bận công việc kinh doanh và chăm sóc con tàn tật nên bà ủy quyền cho chồng bà là ông Phương thay mặt bà giải quyết mọi việc liên quan. Ý kiến của ông Phương cũng là ý kiến của bà, bà không có khiếu nại, thắc mắc gì. Bà đề nghị Tòa án không phải triệu tập bà đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Anh Nguyễn Tiến Phong trình bày: Anh là con trai của ông Nguyễn Tiến Phương và bà Lê Thị Tuyết và là cháu nội của cụ Đức, cụ Thêm. Nguồn gốc nhà đất tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội là của các cụ để lại cho ông bà nội anh. Năm 2003, cụ Đức, cụ Thêm chia đất cho các con trai, con gái làm nhà (việc chia có lập thành văn bản nhưng chưa làm thủ tục tách thửa theo quy định của pháp luật). Bố anh được chia khoảng 40m² nhưng bố anh không nhận nên ông bà cho

anh. Anh đã bỏ tiền ra xây dựng nhà cấp 4 và cho người khác thuê, có hợp đồng thuê nhà, anh sẽ suất trình cho Tòa án sau.

Nay bà Loan, bà Dung yêu cầu chia thừa kế nhà đất này, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật. Phần công sức xây nhà cấp IV của anh trên đất, nếu bố anh được chia thừa kế phần diện tích đất ông bà đã chia cho anh trước đây, gia đình anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh bận công tác nên không đến Tòa án trực tiếp tham gia tố tụng được. Anh ủy quyền cho bố anh thay mặt anh giải quyết mọi việc có liên quan. Ý kiến của bố anh cũng là ý kiến của anh, anh không thắc mắc gì.

Bà Nguyễn Thị Phúc trình bày: Bà là con của cụ Nguyễn Tiến Đức với người vợ cả là cụ Nguyễn Thị Quỳnh. Ngoài bà, cụ Đức, cụ Quỳnh không còn người con chung nào khác. Cụ Đức bỏ mẹ bà từ khi bà còn nhỏ, sau này bà lớn lên cũng không có trách nhiệm gì với bà. Bà ở cùng với mẹ bà tại số 26B, ngõ 296, phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Nay có việc tranh chấp chia thừa kế di sản của cụ Đức để lại tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, bà không yêu cầu Tòa án phải chia thừa kế phần của cụ Đức cho bà, bà từ chối tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bà Vũ Thị Gái trình bày: Bà được cụ Đức, cụ Thêm nhận về làm con nuôi năm bà 8 tuổi. Bà ở với hai cụ đến năm 17 tuổi thì đi thanh niên xung phong, sau khi trở về, bà sống một mình tại ngõ chùa Hưng Ký, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Việc bà làm con nuôi hai cụ không có giấy tờ gì nhưng có ghi và sổ hộ tịch gia đình thời điểm đó. Bà vẫn mang họ Vũ theo họ của bố mẹ đẻ bà. Thời điểm làm con nuôi hai cụ, bà còn nhỏ nên cũng không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của các cụ. Sau này, do không ở trên nhà đất nữa nên bà cũng không nắm được những biến động cụ thể, chỉ biết khi còn sống, hai cụ đã chia đất cho các con làm nhà nhưng bà cũng không có ý kiến gì. Nay có việc tranh chấp chia thừa kế giữa các con hai cụ, bà vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu được hưởng thừa kế của hai cụ nếu theo quy định của Pháp luật bà có quyền lợi. Do đã có tuổi, lại ở xa nên bà xin phép được vắng mặt và từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ông Đào Ngọc Tươi, bà Nguyễn Thị Ngà thống nhất trình bày: Năm 2005, ông, bà mua của cụ Đức, cụ Thêm diện tích đất 40m², có gianh giới cụ thể theo sơ đồ kèm theo “Giấy bán đất”. Sau khi mua, ông bà đã làm nhà cấp IV trên toàn bộ diện tích đất mua và sử dụng từ đó đến nay. Năm 2006, vợ chồng bà có ý định làm “sổ đỏ” diện tích đất mua nhưng cụ Thêm nói để cụ tách cho các con và làm cho ông bà luôn nhưng sau đó cụ Thêm mất nên ông, bà chưa làm được “sổ đỏ”. Năm 2018, ông bà có sửa chữa, cải tạo làm thêm tầng 2 lên trên nhà cấp IV cũ. Nay các con cụ Đức, cụ Thêm yêu cầu chia thừa kế phần nhà đất còn lại của hai cụ, ông bà đề nghị được tiếp tục sử dụng diện tích đất đã mua vì khi còn sống, hai cụ đã chuyển nhượng cho ông bà có sự đồng ý của các người con hai cụ.

Anh Nguyễn Thanh Tùng, chị Trịnh Hải Yến (con ông Thanh, con bà Dung) là người đang ở trên nhà đất tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội

thống nhất trình bày: Các anh, chị xác nhận nguồn gốc đất đang ở cùng bố, mẹ là của cụ Đức, cụ Thêm để lại, nhà là của bố, mẹ anh chị xây dựng. Do không có công sức đóng góp gì đối với nhà, đất này nên các anh, chị không có yêu cầu đề nghị gì. Các anh chị đề nghị được vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm.

Những người đang thuê nhà tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội gồm bà Mai Thị Minh, ông Nguyễn Chiến Thắng, chị Nguyễn Ngọc Minh, chị Nguyễn Thị Thu Huệ, anh Phùng Văn Dưỡng, chị Lê Thu Hằng, chị Phạm Thị Hạnh, anh Phạm Đình Nam, anh Đinh Công Tuấn Ngọc, anh Đinh Trọng Hiếu, anh Đinh Công Phước An, anh Bùi Văn Quyền, anh Bùi Quốc Phi *thống nhất trình bày:* Ông, bà và các anh, chị là người thuê nhà của ông Nguyễn Tiến Phương, ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Tiến Cường và anh Nguyễn Tiến Phong. Quá trình ở không ai có công sức sửa chữa, tôn tạo gì đối với diện tích nhà thuê. Nay có việc tranh chấp chia thừa kế đối với diện tích đất tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà nội, ông, bà và các anh, chị chỉ là người thuê nhà, không có quyền lợi gì đối với nhà đất này nên không có yêu cầu, đề nghị gì, nếu theo quy định của Pháp luật, chủ nhà cho thuê không được sử dụng nhà đất nữa thì ông, bà và các anh, chị sẽ đi tìm nơi khác để thuê. Các ông bà, anh, chị từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

Xử:

[1]. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế nhà đất tại số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, diện tích đất 160m² tại tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội và số tiền 390.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu đồng*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Thêm để lại tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội (nay là số 8, ngách 254/7, ngõ 254, phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội) theo quy định của Pháp luật.

[3]. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn Thanh về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức để lại tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội (nay là số 8, ngách 254/7, ngõ 254, phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội) theo di chúc và theo quy định của Pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không tính diện tích đất 35,2m² cụ Nguyễn Tiến Đức, cụ Nguyễn Thị Thêm đã chuyển nhượng cho ông Đào Ngọc Tươi, bà Nguyễn Thị Ngà (được giới hạn bởi các điểm 43, 14', 14, 15 16, 17, 18, 19 theo sơ đồ kèm theo bản án) vào di sản của cụ Đức, cụ Thêm để chia thừa kế.

[4]. Xác định di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức, cụ Nguyễn Thị Thêm để lại gồm: 01 nhà thờ lợp ngói diện tích 34,5m², 01 sân lát gạch nung đỏ diện tích 42,9m², 01 gian nhà cấp IV đồ mái bằng diện tích 14,9m² trên diện tích đất 433,4m² tại thửa số 35, tờ bản đồ 5I-I-27, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, đã được Ủy ban nhân

dân Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 04/12/2001 đối với diện tích đất ở 180m², diện tích nhà ở 107m² mang tên cụ Nguyễn Tiến Đức, cụ Nguyễn Thị Thêm, có tổng giá trị là 13.077.809.000 đồng (*Mười ba tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm linh chín ngàn đồng chẵn*).

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản trên đất do cụ Đức, cụ Thêm để lại.

[5]. Xác định phần di sản dùng vào việc thờ cúng gồm 01 nhà thờ lợp ngói diện tích 34,5m², 01 sân lát gạch nung đỏ diện tích 42,9m² trên diện tích đất 77,4m² (được giới hạn bởi các điểm điểm 31, 32, 33, 44, 45, 46, 47, 6, 5, 2'', 2', 2, 1 theo sơ đồ kèm theo bản án) thuộc quyền quản lý chung của các thừa kế của cụ Đức, cụ Thêm. Các thừa kế phải tự thống nhất cử một người quản lý di sản thờ cúng và kê khai quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

[6]. Xác định diện tích đất dùng làm ngõ đi chung cho các thừa kế của cụ Nguyễn Tiến Đức, cụ Nguyễn Thị Thêm là 100,1m² có giá trị là 3.003.000.000 đồng. Mỗi kỷ phần hưởng thừa kế bằng hiện vật được sử dụng diện tích ngõ đi chung là 12.51m², có giá trị: 375.375.000 đồng

[7]. Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất là ngày 14/11/2007, khi cụ Nguyễn Thị Thêm mất. Di sản của cụ Thêm để lại trong khối tài sản chung với cụ Nguyễn Tiến Đức có giá trị 6.501.000.000 đồng được chia theo Pháp luật.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thêm gồm: Cụ Nguyễn Tiến Đức, ông Nguyễn Tiến Thịnh, ông Nguyễn Tiến Phương, ông Nguyễn Văn Thanh, bà Nguyễn Thị Loan, ông Nguyễn Văn Hải, bà Nguyễn Thị Dung, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường. Mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng giá trị di sản là 722.400.000 đồng.

[8]. Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ hai là ngày 26/07/2011, khi cụ Nguyễn Tiến Đức mất.

Xác định phần di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức trong khối tài sản chung với cụ Thêm và phần di sản cụ Đức được hưởng thừa kế của cụ Thêm có giá trị 7.223.400.000 đồng được chia theo di chúc và theo Pháp luật.

Xác định phần di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức được định đoạt trong di chúc có giá trị 3.422.400.000 đồng, trừ đi diện tích đất dùng vào việc thờ cúng có giá trị 2.322.000.000 đồng, còn lại là 1.100.400.000 đồng

Xác định những người được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Tiến Đức gồm: Ông Nguyễn Tiến Phương, ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Văn Thanh, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường. Mỗi kỷ phần được hưởng giá trị di sản là 220.200.000 đồng.

Xác định phần di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức được chia theo Pháp luật có giá trị là 3.801.000.000 đồng

Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo Pháp luật của cụ Nguyễn Tiến Đức gồm: Ông Nguyễn Tiến Thịnh, ông Nguyễn Tiến Phương, ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Văn Thanh, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Dung, bà Nguyễn Thị Phúc. Mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng giá trị di sản là 422.100.000 đồng.

[9]. Xác định giá trị di sản mỗi kỹ phần thừa kế của cụ Nguyễn Tiến Đức, cụ Nguyễn Thị Thêm được hưởng như sau: Ông Nguyễn Tiến Phương, ông Nguyễn Văn Thanh, ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường, mỗi kỹ phần được hưởng 1.364.700.000 đồng ; Ông Nguyễn Tiến Thịnh, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Dung, mỗi kỹ phần được hưởng 1.144.500.000 đồng; Bà Phúc được hưởng thừa kế giá trị di sản của cụ Đức là 422.100.000 đồng .

[10]. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức, cụ Nguyễn Thị Thêm bằng hiện vật của ông Nguyễn Tiến Phương, ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Văn Thanh, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Dung, ông Nguyễn Tiến Thịnh.

[11]. Chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức, cụ Nguyễn Thị Thêm bằng hiện vật cụ thể như sau:

- Xác định diện tích ngõ đi chung có diện tích 100,1m² được giới hạn bởi các điểm 28, 27, 26, 25, 24, 23, 22, 21, 20, 19, 43, 42, 41, 40, 39, 38, 37, 36, 35, 34, 51, 50, 49, 48, 47, 46, 45, 44, 33, 32, 31, 30, 29 (theo sơ đồ kèm theo bản án).

- Chia ông Nguyễn Tiến Phương được sử dụng diện tích đất 40m² (trong đó có 15,58m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề) được giới hạn bởi các điểm 36, 37, 38, 39, 54, 55, 35, 36 (theo sơ đồ kèm theo bản án), trên đất có 01 nhà cấp IV do anh Nguyễn Tiến Phong (con trai ông Phương) xây dựng. Ông Phương và anh Phong tự thỏa thuận về việc thanh toán giá trị xây dựng nhà trên đất, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Chia ông Nguyễn Văn Thanh được sử dụng diện tích đất 39,7m² (trong đó có 15,58m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề) được giới hạn bởi các điểm 47, 48, 49, 10, 9, 8, 7, 6 (theo sơ đồ kèm theo bản án), trên đất có 01 nhà 2,5 tầng thuộc sở hữu của ông Thanh.

- Chia ông Nguyễn Tiến Sơn được sử dụng diện tích đất 33,3m² (trong đó có 15,58m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề), được giới hạn bởi các điểm 40, 41, 12, 13 (theo sơ đồ kèm theo bản án), trên đất có 01 nhà 03 tầng thuộc sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Tiến Sơn, bà Trần Thị Thủy.

- Chia ông Nguyễn Văn Hải được sử dụng diện tích đất 40,2m² (trong đó có 15,58m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề), được giới hạn bởi các điểm 41, 42, 43, 14', 14, 13 (theo sơ đồ kèm theo bản án), trên đất có 01 nhà cấp IV thuộc sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Văn Hải, bà Đào Thị Bấy.

- Chia ông Nguyễn Tiến Cường được sử dụng diện tích đất 41.0m² (trong đó có 15,58m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề), được giới hạn bởi các điểm 39, 40, 12, 11, 53, 54 (theo sơ đồ kèm theo bản án), trên đất có 01 nhà cấp IV thuộc sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Tiến Cường, bà Nguyễn Thị Chanh.

- Chia bà Nguyễn Thị Dung được sử dụng diện tích đất 24,8m² (trong đó có 8,24m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề), được giới hạn bởi các điểm 35, 55, 54, 53, 52, 34 (theo sơ đồ kèm theo bản án) trên đất có 01 nhà cấp IV thuộc sở hữu của bà Dung.

- Chia bà Nguyễn Thị Loan được sử dụng diện tích đất 22m² (trong đó có 8,24m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề), được giới hạn bởi các điểm 51, 52, 53, 11, 10, 49, 50 (theo sơ đồ kèm theo bản án), trên có 01 giếng cạn do cụ Đức, cụ Thêm để lại.

- Chia ông Nguyễn Tiến Thịnh được sử dụng diện tích đất 14,9m² (trong đó có 8,24m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề), được giới hạn bởi các điểm 2', 2'', 5', 5, 4, 3, 2 (theo sơ đồ kèm theo bản án) trên có 01 gian nhà cấp IV đổ mái bằng có khu vệ sinh do cụ Đức, cụ Thêm để lại. Ông Thịnh được đi qua sân nhà thờ để vào phần đất của mình.

[12]. Buộc những người được hưởng thừa kế di sản vượt quá kỷ phần phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Phúc và giá trị kỷ phần còn thiếu cho ông Nguyễn Tiến Thịnh, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Dung. Cụ thể như sau:

Buộc ông Nguyễn Tiến Phương phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Phúc 210.600.000 đồng, ông Nguyễn Văn Thanh phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Phúc 201.600.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn Hải phải thanh toán cho bà cho bà Nguyễn Thị Phúc 9.900.000 đồng, thanh toán cho bà Nguyễn Thị Dung 25.200.000 đồng, thanh toán cho bà Nguyễn Thị Loan 109.200.000 đồng và thanh toán cho ông Nguyễn Tiến Thịnh 72.300.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Tiến Cường phải thanh toán cho ông Nguyễn Tiến Thịnh 240.600.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Tiến Sơn phải thanh toán cho ông Thịnh 9.600.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/01/2019 bị đơn là ông Nguyễn Tiến Phương kháng cáo với yêu cầu xem xét và giải quyết không cho ông Thịnh hưởng hiện vật và cho ông Thịnh hưởng tiền mặt tại số 8 tổ 1 phường Mai Động.

Ngày 12/8/2019, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Dung có đơn kháng cáo quá hạn đối với bản án số 01/2019/DSST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân Hoàng Mai.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo là ông Nguyễn Tiến Phương trình bày ông vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị thanh toán cho ông Thịnh kỷ phần thừa kế được hưởng của cụ Đức và cụ Thêm trị giá bằng tiền không phải bằng hiện vật là đất và những anh em con của cụ Đức cụ Thêm đang ở tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội (nay là số 8, ngách 254/7, ngõ 254, phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội) thanh toán tiền cho ông Thịnh. Ông Thịnh cũng trình bày ông vẫn giữ nguyên các lời trình bày của mình tại cấp sơ thẩm; tại phiên tòa ông không đề nghị xem xét định giá lại tài sản để chia thừa kế.

Bị đơn là ông Nguyễn Tiến Thịnh không đồng ý với ý kiến trình bày của người kháng cáo là ông Nguyễn Tiến Phương. Ông Thịnh cũng trình bày ông vẫn giữ nguyên các lời trình bày của mình tại cấp sơ thẩm; tại phiên tòa ông không đề nghị xem xét định giá lại tài sản để chia thừa kế; ông Thịnh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Dung trình bày nhất trí với lời trình bày của ông Phương tại phiên tòa ngày hôm nay. Bà Dung cũng trình bày bà vẫn giữ nguyên các lời trình bày của mình tại cấp sơ thẩm; tại phiên tòa bà không đề nghị xem xét định giá lại tài sản để chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Thanh trình bày nhất trí với lời trình bày của ông Phương tại phiên tòa ngày hôm nay. Ông Thanh cũng trình bày ông vẫn giữ nguyên các lời trình bày của mình tại cấp sơ thẩm; tại phiên tòa ông không đề nghị xem xét định giá lại tài sản để chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tiến Sơn trình bày nhất trí với lời trình bày của ông Phương tại phiên tòa ngày hôm nay. Ông Sơn cũng trình bày ông vẫn giữ nguyên các lời trình bày của mình tại cấp sơ thẩm; tại phiên tòa ông không đề nghị xem xét định giá lại tài sản để chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Phúc trình bày nhất trí với lời trình bày của ông Thịnh tại phiên tòa ngày hôm nay. Bà Phúc cũng trình bày bà vẫn giữ nguyên các lời trình bày của mình tại cấp sơ thẩm; tại phiên tòa bà không đề nghị xem xét định giá lại tài sản để chia thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên hủy bản án sơ thẩm số 01/2019/DSST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Nhận thấy:

Về hình thức: Bị đơn là ông Nguyễn Tiến Phương làm đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo về hình thức là hợp lệ.

Ngày 12/8/2019, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Dung có đơn kháng cáo quá hạn đối với bản án số 01/2019/DSST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân Hoàng Mai; ngày 02/10/2019, người kháng cáo là bà Nguyễn Thị Dung có văn bản xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo; ngày 21/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có quyết định số: 313/2019/QĐ-PT ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Dung.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Tiến Phương

Về huyết thống: Các đương sự thống nhất xác định cụ Nguyễn Tiến Đức, sinh năm: 1931, mất năm 2011 và vợ là cụ Nguyễn Thị Thêm, sinh năm: 1929, mất năm 2007. Hai cụ có 08 người con là: ông Nguyễn Tiến Thịnh, sinh năm: 1952; ông Nguyễn Tiến Phương, sinh năm: 1956; bà Nguyễn Thị Loan, sinh năm: 1959; ông Nguyễn Văn Hải, sinh năm: 1961; ông Nguyễn Văn Thanh, sinh năm: 1963; bà Nguyễn Thị Dung, sinh năm: 1966; ông Nguyễn Tiến Sơn, sinh năm: 1969; ông Nguyễn Tiến Cường, sinh năm: 1974.

Đối với bà Nguyễn Thị Phúc, mặc dù bà không xuất trình được giấy khai sinh ghi tên người cha là cụ Nguyễn Tiến Đức nhưng khi còn sống, tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, cụ Đức đã xác nhận cụ có một người con riêng với người vợ trước đã ly hôn là bà Nguyễn Thị Phúc. Các thừa kế cũng thừa nhận bà Phúc là con riêng của cụ Đức. Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, bà Phúc có lời khai từ chối hưởng di sản của cụ Đức. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phúc lại thay đổi lời khai, xin được hưởng thừa kế di sản của cụ Đức theo quy định của Pháp luật. Để đảm bảo quyền lợi cho tất cả những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đức, cần đưa bà Phúc vào diện hưởng thừa kế theo Pháp luật của cụ Đức. Như vậy, những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Đức bao gồm: Ông Thịnh, ông Phương, ông Thanh, bà Loan, ông Hải, bà Dung, ông Sơn, ông Cường, bà Phúc.

Khi còn sống, cụ Đức trình bày hai cụ có 01 người con nuôi là bà Nguyễn Thị Gái, sinh năm: 1948. Tuy nhiên, các thừa kế của hai cụ (trừ ông Phương, ông Hải) không thừa nhận bà Gái là con nuôi của cụ Đức, cụ Thêm. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Gái cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh bà Gái là con nuôi của hai cụ đồng thời bà Gái đã có lời khai từ chối hưởng di sản thừa kế nếu theo quy định của Pháp luật bà có được hưởng. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét diện hưởng thừa kế đối với bà Gái.

Về thời hiệu thừa kế: Theo giấy chứng tử số 52, quyền số 1/2007 do Ủy ban nhân dân phường Mai Động cấp ngày 21/12/2007, người để lại di sản là cụ Nguyễn Thị Thêm mất ngày 14/11/2007. Căn cứ Điều 633 Bộ luật dân sự năm 2005, thời điểm mở thừa kế của cụ Thêm là ngày 14/11/2007. Ngày 18/05/2009, các nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Thêm. Căn cứ Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005, nguyên đơn khởi kiện trong thời hiệu pháp luật quy định; Cụ Đức mất ngày 26/07/2011, có để lại di chúc. Ngày 20/06/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn Thanh có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu chia di sản của cụ Đức theo di chúc và theo pháp luật. Căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong thời hiệu khởi kiện

pháp luật quy định.

Về di sản thừa kế: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như các lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử xét thấy di sản của các cụ Nguyễn Tiến Đức và cụ Nguyễn Thị Thêm để lại gồm có:

* Nhà đất tại địa chỉ tổ 1, phường Mai Động, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (nay là số 8 ngách 254/7 ngõ 254 Phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội) có nguồn gốc là của tổ tiên để lại cho các cụ. Trên đất có 01 nhà ngói 05 gian. Thời kỳ chiến tranh, nhà này đã bị bom phá hỏng, sau đó, hai hai cụ xây dựng lại thành nhà mái bằng. Năm 2001, cụ Đức, cụ Thêm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất 451m².

* Nhà đất tại địa chỉ số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, diện tích 51,3m² có nguồn gốc năm 1986, Hợp tác xã Mai Động cấp cho cụ Thêm để làm dịch vụ. Cụ Thêm đã xây nhà tạm trên đất. Năm 1990, cụ Thêm phá nhà tạm xây thành 02 nhà: 01 nhà 02 tầng và 01 nhà 01 tầng. Nhà 02 tầng cụ Thêm ở, nhà 01 tầng cho ông Phương làm văn phòng, sau này ông Phương cho con là Nguyễn Tiến Phong đứng tên. Năm 2007, sau khi cụ Thêm mất, ông Phương vẫn sử dụng nhà đất này, nhà 02 tầng của cụ do ông Cường quản lý sử dụng cho đến nay.

* Diện tích 160m² đất tại địa chỉ tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Nguồn gốc năm 1981, cụ Thêm được Hợp tác xã Mai Động cấp. Năm 1984, cụ Thêm xây dựng nhà cấp 4 và cho vợ chồng ông Thịnh đến ở và trông nom. Quá trình ở, vợ chồng ông Thịnh có lấn chiếm khoảng 200m² đất ao của Hợp tác xã. Khi còn sống, cụ Thêm đồng ý cho vợ chồng ông Thịnh bán đi một nửa đất để xây dựng nhà, đến nay diện tích đất còn lại khoảng 80m², vợ chồng ông Thịnh đang quản lý sử dụng. Diện tích đất này hiện nay ở địa chỉ số 27, ngõ 85, đường Lĩnh Nam, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội nhưng khi làm đơn yêu cầu định giá nguyên đơn viết nhầm thành số 42, tổ 49, phường Mai Động là địa chỉ quán bán hàng của ông Thịnh.

* Ngoài ra, cụ Thêm còn có một phần diện tích đất nông nghiệp bị Nhà nước thu hồi, được đền bù số tiền 390.000.000 đồng, gửi tiết kiệm đứng tên ông Phương và chị Thủy con ông Thịnh.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm: Theo đơn khởi kiện ngày 18/05/2009, các nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Dung yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Nguyễn Thị Thêm để lại là nhà, đất tại số 8, ngách 254/7, ngõ 254 phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội và diện tích đất 160m² tại tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo quy định của Pháp luật. Ngày 16/08/2013, các nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Thêm để lại là số tiền 390.000.000 đồng và nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu này. Tòa án đã thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết theo quy định của Pháp luật. Ngày 11/07/2018, các nguyên đơn có đơn đề nghị rút yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền 390.000.000 đồng; Ngày 12/10/2018, các nguyên đơn có đơn đề nghị rút yêu cầu chia thừa kế đối với nhà đất tại số 149 đường

Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội và diện tích đất tại tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Thêm để lại tại số 8, ngách 254/7, ngõ 254 phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo quy định của Pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết đối với các phần yêu cầu khởi kiện này của các nguyên đơn là có căn cứ.

Xét di sản để chia thừa kế của cụ Nguyễn Thị Thêm và Nguyễn Tiến Đức là nhà, đất tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (địa chỉ hiện nay là số 8, ngách 254/7, ngõ 254 phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội) có diện tích 451,1m². Nguồn gốc nhà đất là do hai cụ được cha ông để lại. Năm 2001, cụ Đức, cụ Thêm đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, trong đó diện tích đất ở được cấp giấy chứng nhận là 180m², diện tích nhà là 107m², còn lại là đất vườn liền kề diện tích 271,1 m² tại thửa đất số 35, tờ bản đồ 5I-I-27 phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Trước đây, trên đất có 01 nhà ngói 05 gian, thời kỳ chiến tranh, nhà bị bom phá hỏng, cụ Đức, cụ Thêm đã xây lại thành nhà mái bằng một tầng 04 gian. Năm 2006, hai cụ đã phá nhà này đi, xây dựng thành nhà thờ lợp ngói như hiện nay và 01 gian nhà cấp IV (đồ mái bằng) trên sân nhà thờ. Ngoài ra trên đất còn 01 giếng cạn, bỏ không. Do trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp năm 2001 không thể hiện vị trí đất ở, vị trí đất vườn liền kề lên Hội đồng xét xử xác định tỷ lệ các loại đất làm tròn như sau; Tỷ lệ đất ở là 40%, tỷ lệ đất vườn liền kề là 60 % và xem xét việc chia thừa kế di sản của cụ Thêm và cụ Đức để lại theo tỷ lệ đất nêu trên nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải sửa bản án sơ thẩm ở nội dung này.

Qua đo đạc thực tế, diện tích đất là 468,6m². Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân phường Mai Động, hiện trạng sử dụng đất ổn định, ranh giới với các thửa đất liền kề đã được xác định bằng tường bao, tường nhà và các công trình xây dựng khác, hiện không có tranh chấp và phù hợp với quy hoạch đất ở đô thị nên có cơ sở công nhận diện tích đất theo đo đạc thực tế.

Năm 2006, cụ Đức và cụ Thêm đã chuyển nhượng cho ông Đào Ngọc Tươi, bà Nguyễn Thị Ngà một phần diện tích đất, theo số đo thực tế là 35,2 m²; theo giấy bán đất do các đương sự xuất trình không thể hiện hai cụ đã bán loại đất gì cho ông Tươi và bà Ngà nên tính theo tỷ lệ đất ở là 14,08 m², đất vườn liền kề là 21,12 m², được sử dụng phân ngõ đi chung phía trước là 6,4m². Việc chuyển nhượng này có lập thành văn bản, mặc dù chưa công chứng, chứng thực và chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật nhưng “Giấy bán đất” do ông Tươi, bà Ngà xuất trình có chữ ký của cụ Đức, cụ Thêm và những người con của hai cụ. Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, ông Tươi, bà Ngà có mong muốn được tiếp tục sử dụng diện tích đất đã nhận chuyển nhượng, các thừa kế của cụ Đức, cụ Thêm vẫn công nhận việc chuyển nhượng và thống nhất trừ diện tích đất đã chuyển nhượng, không đưa vào di sản của cụ Đức, cụ Thêm để chia thừa kế. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự và xác định

diện tích đất, cụ Đức, cụ Thêm để lại còn: $468,6\text{m}^2 - 35,2\text{m}^2 = 433,4\text{m}^2$ tính theo tỷ lệ đất ở là $173,36\text{m}^2$, đất vườn liền kề là $260,04\text{m}^2$. Về tài sản trên đất: Theo xác nhận của các bên đương sự và biên bản xem xét hiện trạng, biên bản định giá ngày 28/06/2018, ngoài tài sản trên đất cụ Đức, cụ Thêm để lại là 01 nhà thờ, 01 sân gạch trước cửa nhà thờ, 01 gian nhà cấp IV đổ mái bằng trên sân nhà thờ, tổng diện tích xây dựng là $92,3\text{m}^2$.

Tại biên bản định giá ngày 28/06/2018 thì 1m^2 được Hội đồng định giá tại vị trí đất có tranh chấp là $30.000.000$ đồng/ m^2 ; trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không có ý kiến gì về việc định giá này; sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không có kháng nghị về việc định giá này nên Hội đồng xét xử xét thấy giá trị quyền sử dụng đất mà hai cụ Đức và cụ Thêm để lại bao gồm cả đất ở và đất vườn liền kề là $433,4\text{m}^2 \times 30.000.000$ đồng/ $\text{m}^2 = 13.002.000.000$ đồng. Ngoài ra, các tài sản trên đất hai cụ để lại gồm 01 nhà thờ lợp ngói có giá trị $47.608.000$ đồng, 01 sân lát gạch nung đỏ (trước cửa nhà thờ) có giá trị $5.985.000$ đồng, 01 gian nhà cấp IV trên sân nhà thờ có giá trị $22.216.000$ đồng, (01 giếng cạn không sử dụng, các đương sự không yêu cầu định giá). Tổng giá trị di sản cụ Đức, cụ Thêm để lại là $13.077.809.000$ đồng.

Các công trình do các thừa kế của hai cụ xây dựng từ khi hai cụ còn sống và thuộc quyền sở hữu của các thừa kế theo biên bản định giá ngày 28/06/2018 gồm:

- 01 nhà 2,5 tầng do ông Nguyễn Văn Thanh xây dựng diện tích $36,1\text{m}^2$ có giá trị $267.711.000$ đồng.

- 01 nhà 03 tầng do ông Nguyễn Tiến Sơn và vợ là bà Trần Thị Thủy xây dựng diện tích $33,3\text{m}^2$ có giá trị $246.947.000$ đồng.

- 01 nhà cấp IV của anh Nguyễn Tiến Phong (con ông Phương) xây dựng có diện tích 36m^2 có giá trị $45.396.000$ đồng.

- 01 nhà cấp IV do bà Nguyễn Thị Dung xây dựng có diện tích $21,9\text{m}^2$ có giá trị $18.764.000$ đồng.

- 01 nhà cấp IV do ông Nguyễn Văn Hải và vợ là bà Đào Thị Bẩy xây dựng có diện tích $40,2\text{m}^2$ có giá trị $50.692.000$ đồng.

- 01 nhà cấp VI do ông Nguyễn Tiến Cường và vợ là bà Nguyễn Thị Chanh xây dựng có diện tích 41m^2 có giá trị $51.701.000$ đồng.

Tổng diện tích xây dựng của các thừa kế là: $208,5\text{m}^2$ có giá trị $681.211.000$ đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn xuất trình cho Tòa án 01 “Giấy cho đất” lập ngày 26/06/2004 có chữ ký của cụ Nguyễn Tiến Đức và cụ Nguyễn Thị Thêm, nội dung giấy thể hiện các cụ phân chia đất cho các con và thực tế, sau khi được chia đất, các con đã làm nhà ở. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy về bản chất giấy cho đất lập ngày 26/6/2004 đây là hợp đồng tặng cho bất động sản theo quy định tại Điều 461 Bộ luật dân sự năm 1995 nhưng hình thức văn bản chưa có công chứng, chứng thực, việc tặng cho chưa đăng ký kê khai quyền sử dụng đất tại Cơ quan Nhà

nước có thẩm quyền nên theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 1995, hợp đồng chưa phát sinh hiệu lực. Toàn bộ diện tích đất đất tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (địa chỉ hiện nay là số 8, ngách 254/7, ngõ 254 phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội) vẫn là tài sản của cụ Nguyễn Tiến Đức và cụ Nguyễn Thị Thêm.

Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Thêm

Ngày 14/11/2007, cụ Thêm mất không để lại di chúc nên căn cứ Điều 675 Bộ luật dân sự năm 2005, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Thêm để lại theo quy định của Pháp luật là có căn cứ. Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất là ngày 14/11/2007 khi cụ Thêm mất. Căn cứ Điều 27, Điều 28, Điều 31 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, di sản của cụ Thêm để lại là 1/2 diện tích nhà, đất trong khối tài sản chung với cụ Đức tại đất tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (địa chỉ hiện nay là số 8, ngách 254/7, ngõ 254 phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội) trong đó quyền sử dụng đất là $433,4\text{m}^2 : 2 = 216,7\text{m}^2$ tính theo tỷ lệ đất ở là $86,68\text{m}^2$, đất vườn liền kề là $130,02\text{m}^2$; có giá trị theo biên bản định giá ngày 28/06/2018 là $216,7\text{m}^2 \times 30.000.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 6.501.000.000 \text{ đồng}$ và 1/2 diện tích nhà thờ, sân nhà thờ và 01 gian nhà cấp IV có giá trị là: $(47.608.000 \text{ đồng} + 22.216.000 \text{ đồng} + 5.985.000 \text{ đồng}) : 2 = 37.904.500 \text{ đồng}$. Tổng giá trị di sản của cụ Thêm là $6.538.904.500 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, do các đương sự thống nhất không yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản trên đất mà để làm nơi thờ cúng nên Hội đồng xét xử ghi nhận và chỉ xem xét chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất cụ Thêm để lại.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thêm gồm: Cụ Nguyễn Tiến Đức, ông Nguyễn Tiến Thịnh, ông Nguyễn Tiến Phương, ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Văn Thanh, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Dung.

Theo lời khai của các đương sự, khi mất, cụ Thêm không để lại nghĩa vụ tài sản nào, nhà đất vẫn do các thừa kế quản lý và sử dụng làm nơi sinh sống, không ai yêu cầu trích tính công sức tôn tạo, bảo quản di sản nên không phải trích thanh toán nghĩa vụ tài sản và công sức tôn tạo, bảo quản di sản trước khi chia thừa kế. Di sản của cụ Thêm để lại sẽ được chia cho 09 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ gồm: cụ Đức, ông Thịnh, ông Phương, ông Hải, ông Thanh, ông Sơn, ông Cường, bà Loan, bà Dung. Mỗi kỹ phần được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất là $216,7\text{m}^2 : 9 = 24,08\text{m}^2$ (làm tròn) theo tỷ lệ đất ở là $9,632\text{m}^2$, đất vườn liền kề là $14,448\text{m}^2$, có giá trị là $722.400.000 \text{ đồng}$.

Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Tiến Đức

Phần di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức sau khi cụ Thêm mất (không tính giá trị tài sản trên đất do đương sự thống nhất giữ lại làm nơi thờ cúng, không yêu cầu chia thừa kế) có giá trị là: $6.501.000.000 \text{ đồng} + 722.400.000 \text{ đồng} = 7.223.400.000 \text{ đồng}$.

Cụ Nguyễn Tiến Đức mất ngày 26/07/2011, có để lại di chúc. Ngày 20/06/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Thanh có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của cụ Đức để lại tại số 8, ngách 254/7, ngõ 254 phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội theo di chúc và theo pháp luật, đồng thời nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu này. Tòa án đã thụ lý để giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức theo di chúc của người liên quan là ông Nguyễn Văn Thanh, Hội đồng xét xử thấy như sau:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tiến Phương xuất trình 01 bản di chúc của cụ Nguyễn Tiến Đức đề ngày 03/03/2010 được lập tại Phòng công chứng Trảng An. Các đương sự đều thống nhất xác nhận đây là di chúc do cụ Đức để lại và không có ý kiến gì về nội dung di chúc.

Xét hình thức: di chúc được lập thành văn bản thể hiện ý chí của người để lại di sản trong trạng thái tinh thần minh mẫn, tỉnh táo, không bị ai ép buộc, lừa dối, di chúc lập có sự chứng kiến của công chứng viên, do công chứng viên ghi lại nội dung di chúc, sau đó đọc lại cho người để lại di chúc nghe, ký, điểm chỉ xác nhận nội dung và được công chứng tại Văn phòng công chứng Trảng An, phù hợp với quy định tại các điều 649, 650, 657 Bộ luật dân sự năm 2005 nên di chúc được lập hợp pháp về hình thức.

Xét về nội dung: Theo di chúc thể hiện cụ Đức định đoạt phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung với cụ Thêm và phần tài sản cụ được hưởng thừa kế của cụ Thêm. Căn cứ các điều 646, 648, 649, 652, 653, 657, 667 Bộ luật dân sự, nội dung di chúc phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm nên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm mở thừa kế.

Tuy nhiên, theo di chúc, cụ Đức định đoạt phần tài sản trong khối tài sản chung là nhà ở có diện tích xây dựng 107 m² nhưng tại thời điểm mở thừa kế, diện tích nhà này không còn (theo lời khai của cụ Đức khi còn sống, năm 2006, cụ đã phá nhà này để xây dựng nhà thờ như hiện nay) nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 667 Bộ luật dân sự năm 2005, phần nội dung di chúc về diện tích nhà ở này không có hiệu lực pháp luật.

Đối với tài sản được định đoạt trong di chúc, cụ Đức xác định phần tài sản chung của cụ và cụ Thêm chỉ bao gồm diện tích đất ở 180m² và diện tích nhà 107m² đã được cấp giấy chứng nhận, không bao gồm phần đất vườn liền kề trong thửa đất chung của hai cụ. Như đã lập luận ở trên khi còn sống hai cụ Đức và cụ Thêm đã chuyển nhượng một phần diện tích đất; do đó, phần di sản được cụ Đức định đoạt trong khối tài sản chung với cụ Thêm chỉ còn lại bao gồm 173,36m² đất ở : 2 = 86,68 m² đất ở + (9,632 m² đất ở, 14,448 m² đất vườn liền kề mà cụ Đức được hưởng thừa kế của cụ Thêm) = 96,312 m² đất ở, 14,448 m² đất vườn liền kề.

Theo di chúc, cụ Đức thể hiện ý chí để lại tài sản của cụ trong khối tài sản chung với cụ Nguyễn Thị Thêm cho 05 người con trai là: ông Nguyễn Tiến Phương, ông

Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Văn Thanh, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường và những người con này phải để lại một phần diện tích đất ở được hưởng làm nơi thờ cúng

Tại phiên tòa cấp sơ thẩm, các đương sự đều đề nghị hội đồng xét xử căn cứ nội dung di chúc, để lại phần đất khu nhà thờ và các tài sản trên đất để làm nơi thờ cúng trước khi chia thừa kế. Yêu cầu của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 670 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, do di chúc không định đoạt phần diện tích đất dùng vào việc thờ cúng cụ thể là bao nhiêu m² đất ở nên để đảm bảo quyền lợi cho các thừa kế, Hội đồng xét xử xác định phần di sản dùng vào việc thờ cúng gồm nhà thờ và sân nhà thờ thuộc vào phần diện tích đất ở theo di chúc. Phần di sản cụ thể theo di chúc sẽ được trừ đi diện tích nhà thờ và sân nhà thờ trước khi chia thừa kế cho những người được chỉ định trong di chúc. Theo biên bản xem xét hiện trạng, biên bản định giá ngày 28/06/2018, diện tích nhà thờ là 34,5 m², diện tích sân nhà thờ là 42,9 m², tổng diện tích đất là 77,4 m² và tài sản trên đất. Các tài sản trên đất là tài sản chung của hai cụ để lại nhưng các thừa kế của cụ Thêm cũng thống nhất không yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản này nên Hội đồng xét xử nhập chung vào phần tài sản trên đất của cụ Đức để xác định phần di sản dùng vào việc thờ cúng.

Như vậy, phần di sản dùng vào việc thờ cúng là diện tích đất 77,4m² đất ở trên có 01 nhà thờ lợp ngói, 01 sân lát gạch nung đỏ do cụ Đức, cụ Thêm xây dựng (được giới hạn bởi các điểm điểm 31, 32, 33, 44, 45, 46, 47, 6, 5, 2", 2', 2, 1 theo sơ đồ kèm theo bản án). Ngõ đi vào nhà thờ sử dụng chung với ngõ đi chung của các thừa kế từ ngách 254/7 vào sân nhà thờ nên không cần bớt diện tích đất trong phần di sản của cụ Đức để làm ngõ đi vào nhà thờ. Do trong di chúc của cụ Đức không chỉ định người quản lý di sản thờ cúng và tại các cấp xét xử, các đồng thừa kế cũng không thống nhất được việc cử ai quản lý phần di sản dùng vào việc thờ cúng nên phần diện tích nhà thờ và sân nhà thờ thuộc quyền quản lý chung của các thừa kế, các thừa kế phải tự thống nhất thỏa thuận cử một người quản lý di sản thờ cúng và kê khai quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Như vậy, sau khi trừ đi phần di sản dùng vào việc thờ cúng, diện tích đất chia thừa kế theo di chúc của cụ Đức còn lại là: 96,312 m² đất ở, 14,448 m² đất vườn liền kề - 34,5m² đất ở - 42,9m² đất ở = 18,912 m² đất ở, 14,448 m² đất vườn liền kề, có giá trị 1.000.800.000 đồng.

Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ hai là ngày 26/07/2011, khi cụ Đức chết, các thừa kế theo di chúc của cụ Đức gồm: ông Nguyễn Tiến Phương, ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Văn Thanh, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường. Mỗi kỹ phần thừa kế theo di chúc của cụ Đức sẽ được hưởng quyền sử dụng đất là: 18,912 m² đất ở, 14,448 m² đất vườn liền kề: 5 = 3,782 m² đất ở, 2,890 m² đất vườn liền kề (làm tròn), có giá trị là 200.160.000 đồng.

Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đức theo pháp luật:

Di sản của cụ Đức trong khối tài sản chung với cụ Thêm và phần tài sản cụ Đức được hưởng thừa kế của cụ Thêm là đất ở là $86,68 \text{ m}^2$, $130,02 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề + $9,632 \text{ m}^2$ đất ở, $14,448 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề = $96,312 \text{ m}^2$ đất ở, đất vườn liền kề là $144,468 \text{ m}^2$

Phần tài sản là quyền sử dụng đất của cụ Đức được định đoạt trong di chúc là $96,312 \text{ m}^2$ (đất ở), $14,448 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề.

Phần tài sản là quyền sử dụng đất của cụ Đức chưa được định đoạt trong di chúc, được chia theo pháp luật là $96,312 \text{ m}^2$ đất ở, $144,468 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề - $96,312 \text{ m}^2$ đất ở, $14,448 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề = $130,02 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề

Phần di sản của cụ Đức chưa được định đoạt trong di chúc được chia thừa kế theo quy định của Pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đức bao gồm: Ông Thịnh, ông Phương, ông Thanh, bà Loan, ông Hải, bà Dung, ông Sơn, ông Cường, bà Phúc.

Mỗi kỹ phần sẽ được hưởng là $130,02 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề : 9 = làm tròn là $14,446 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề, có giá trị: $14,446 \text{ m}^2 \times 30.000.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2 = 433.380.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, ông Phương, ông Hải, ông Thanh, ông Sơn, ông Cường, mỗi người được hưởng thừa kế của cụ Đức, cụ Thêm là: $9,632 \text{ m}^2$ đất ở, $14,448 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề + $3,782 \text{ m}^2$ đất ở, $2,890 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề + $14,446 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề = $13,414 \text{ m}^2$ đất ở, $31,784 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề có trị giá là $1.355.940.000 \text{ đồng}$.

Ông Thịnh, bà Loan, bà Dung, mỗi người được hưởng thừa kế của cụ Đức, cụ Thêm là : $9,632 \text{ m}^2$ đất ở, $14,448 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề + $14,446 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề = $9,632 \text{ m}^2$ đất ở, $28,894 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề, có giá trị là $1.115.780.000 \text{ đồng}$.

Bà Phúc được hưởng thừa kế của cụ Đức là $14,446 \text{ m}^2$ đất vườn liền kề, có giá trị là $433.380.000 \text{ đồng}$. Bà Phúc đã có nơi ở ổn định là nhà đất tại số 26B, ngõ 296 phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội nên không chia thừa kế bằng hiện vật cho bà Phúc là phù hợp.

Trong toàn bộ thừa đất có diện tích ngõ chung theo đo đạc thực tế là 107 m^2 , gồm: ngõ đi từ đường ngách 254/7 vào khu nhà thờ và nhà ông Phương, bà Dung là $33,3 \text{ m}^2$, sân trước cửa nhà ông Thanh là $10,3 \text{ m}^2$, ngõ đi vào nhà ông Phương, ông Cường, ông Sơn, ông Hải, ông Tươi, bà Nga là $48,3 \text{ m}^2 + 6,4 \text{ m}^2 = 54,7 \text{ m}^2$, phần bể nước trước cửa nhà ông Cường có diện tích $1,8 \text{ m}^2$, các thừa kế thống nhất phá dỡ để tính vào lối đi chung của các thừa kế, ông Cường không yêu cầu thanh toán tiền công xây dựng nên ghi nhận sự tự nguyện của ông Cường và cộng diện tích bể nước vào diện tích ngõ đi chung là $54,7 \text{ m}^2 + 1,8 \text{ m}^2 = 56,5 \text{ m}^2$, phần ngõ giữa nhà ông Phương và ông Cường là 4 m^2 , phần ngõ giữa nhà bà Dung và ông Cường là $2,9 \text{ m}^2$. Do ông Cường đã sử dụng ngõ đi chung phía trước nhà cùng với ông Phương, ông Sơn, ông Hải, ông Tươi và bà Nga nên không cần thiết phải sử dụng phần ngõ đi giáp nhà ông Phương, bà Dung. Do vậy, diện tích đất này không tính vào diện tích ngõ đi chung mà chia vào kỹ phần của

ông Phương, bà Dung. Như vậy, tổng diện tích ngõ đi chung còn lại là: $107\text{m}^2 - 6,9\text{m}^2 = 100,1\text{m}^2$. Diện tích này sẽ được trừ vào diện tích đất của các kỹ phần thừa kế được hưởng bằng hiện vật.

Diện tích ngõ đi chung tính vào di sản của cụ Đức, cụ Thêm là $100,1\text{m}^2$, được chia đều cho các thừa kế được hưởng thừa kế bằng hiện vật của hai cụ, mỗi kỹ phần có diện tích ngõ đi chung là: $100,1\text{m}^2 : 8 = 12,512\text{m}^2$ tính theo tỷ lệ đất ở là $5,005\text{m}^2$ đất ở, đất vườn liền kề là $7,507\text{m}^2$

Như vậy, sau khi trừ đi diện tích ngõ đi chung, ông Phương, ông Thanh, ông Hải, ông Sơn, ông Cường, mỗi người còn được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất là: $13,414\text{m}^2$ đất ở, $31,784\text{m}^2$ đất vườn liền kề - $5,005\text{m}^2$ đất ở, đất vườn liền kề $7,507\text{m}^2 = 8,409\text{m}^2$ đất ở, $24,277\text{m}^2$ đất vườn liền kề.

Bà Loan, bà Dung, ông Thịnh, mỗi người được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất là: $9,632\text{m}^2$ đất ở, $28,894\text{m}^2$ đất vườn liền kề - $5,005\text{m}^2$ đất ở, đất vườn liền kề $7,507\text{m}^2 = 4,627\text{m}^2$ đất ở, $21,387\text{m}^2$ đất vườn liền kề.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các đương sự đều có nguyện vọng được chia thừa kế bằng hiện vật. Để đảm bảo sự ổn định trong việc sử dụng nhà đất của các thừa kế, hội đồng xét xử chia cho các thừa kế của cụ Thêm được hưởng thừa kế bằng hiện vật gồm: Ông Nguyễn Tiến Phương, ông Nguyễn Văn Thanh, ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Dung. Đối với ông Nguyễn Tiến Thịnh là con trưởng trong gia đình, hiện nay không ở trên nhà đất nhưng có nguyện vọng được chia một phần di sản của cụ Thêm bằng hiện vật để làm bếp, phục vụ cúng giỗ cha mẹ, tổ tiên. Hội đồng xét xử xét đây là nguyện vọng chính đáng, phù hợp với đạo lý truyền thống của người Việt Nam nên cấp sơ thẩm xem xét chia cho ông Thịnh được hưởng một phần di sản của cụ Thêm bằng hiện vật trên có 01 gian nhà mái bằng do cụ Đức, cụ Thêm xây dựng trên sân nhà thờ, bà Loan được hưởng phần đất trên có 01 giếng cạn do các cụ để lại là có căn cứ.

Chia hiện vật cụ thể như sau:

Chia ông Nguyễn Tiến Phương diện tích đất 40m^2 (có $8,409\text{m}^2$ đất ở), được giới hạn bởi các điểm 36, 37, 38, 39, 54, 55, trên đất có 01 nhà cấp 4 do anh Nguyễn Tiến Phong (con trai ông Phương) xây dựng. Do anh Phong và ông Phương tự thỏa thuận giá trị công sức xây dựng nhà cấp IV, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét việc tính công sức xây dựng cho anh Phong. So với kỹ phần thừa kế được hưởng, diện tích đất ông Phương được chia vượt quá kỹ phần thừa kế là $40\text{m}^2 - 8,409\text{m}^2 - 24,277\text{m}^2 = 7,314\text{m}^2$, có giá trị: 219.420.000 đồng.

Chia ông Nguyễn Văn Thanh diện tích đất $39,7\text{m}^2$ (tỷ lệ đất ở là $8,409\text{m}^2$), được giới hạn bởi các điểm 47, 48, 49, 10, 9, 8, 7, 6 trên đất có 01 nhà xây 2,5 tầng thuộc sở hữu của ông Thanh. So với kỹ phần thừa kế được hưởng, diện tích đất ông Thanh được chia vượt quá kỹ phần thừa kế là: $39,7\text{m}^2 - 8,409\text{m}^2 - 24,277\text{m}^2 = 7,014\text{m}^2$, có giá trị: 210.420.000 đồng.

Chia ông Nguyễn Tiến Sơn diện tích đất $33,3\text{m}^2$ (tỷ lệ đất ở $8,409\text{ m}^2$), được giới hạn bởi các điểm 40, 41, 13, 12 trên đất có 01 nhà xây 03 tầng thuộc sở hữu của vợ chồng ông Sơn, bà Thủy. So với kỹ phần thừa kế được hưởng, diện tích đất ông Sơn được chia vượt quá kỹ phần thừa kế là đất ở $33,3\text{ m}^2 - 8,409\text{ m}^2 - 24,277\text{ m}^2 = 0,614\text{ m}^2$, có giá trị: 18.420.000 đồng.

Chia ông Nguyễn Văn Hải diện tích đất $40,2\text{m}^2$ (tỷ lệ đất ở $8,409\text{ m}^2$), được giới hạn bởi các điểm 41, 42, 43, 14', 14, 13 trên đất có 01 nhà cấp IV thuộc sở hữu của vợ chồng ông Hải, bà Bẩy. So với kỹ phần thừa kế được hưởng, diện tích đất ông Hải được chia vượt quá kỹ phần thừa kế là $40,2\text{ m}^2 - 8,409\text{ m}^2 - 24,277\text{ m}^2 = 7,514\text{ m}^2$ đất ở có giá trị: 225.420.000 đồng.

Chia ông Nguyễn Tiến Cường diện tích đất $41,0\text{m}^2$ (tỷ lệ đất ở $8,409\text{ m}^2$) được giới hạn bởi các điểm 39, 40, 12, 11, 53, 54 trên đất có 01 nhà cấp IV thuộc sở hữu của vợ chồng ông Cường, bà Chanh. So với kỹ phần thừa kế được hưởng, diện tích đất ông Cường được chia vượt quá kỹ phần thừa kế là : $41\text{ m}^2 - 8,409\text{ m}^2 - 24,277\text{ m}^2 = 8,314\text{ m}^2$ đất, có giá trị: 249.420.000 đồng.

Chia bà Nguyễn Thị Dung diện tích đất $24,8\text{ m}^2$ (tỷ lệ đất ở $4,627\text{ m}^2$), được giới hạn bởi các điểm 35, 55, 54, 53, 52, 34 trên đất có 01 nhà cấp IV thuộc sở hữu của bà Dung. So với kỹ phần thừa kế được hưởng, diện tích đất bà Dung được chia thiếu là: $(4,627\text{ m}^2 + 21,387\text{ m}^2) - 24,8\text{ m}^2 = 1,214\text{ m}^2$, có giá trị: 36.420.000 đồng.

Chia bà Nguyễn Thị Loan diện tích đất 22m^2 (trong đó có $4,627\text{ m}^2$ đất ở), được giới hạn bởi các điểm 51, 52, 53, 11, 10, 49, 50 trên có 01 giếng cạn. So với kỹ phần thừa kế được hưởng, diện tích đất bà Loan được chia còn thiếu: $(4,627\text{ m}^2 + 21,387\text{ m}^2) - 22,0\text{ m}^2 = 4,014\text{ m}^2$, có giá trị: 120.420.000 đồng.

Chia ông Nguyễn Tiến Thịnh diện tích đất $14,9\text{m}^2$ (trong đó $4,627\text{ m}^2$ đất ở), được giới hạn bởi các điểm 2', 2'', 5', 5, 4, 3, 2 trên có 01 gian nhà cấp IV đồ mái bằng có khu vệ sinh do cụ Đức, cụ Thêm để lại có giá trị 47.608.000 đồng. So với kỹ phần thừa kế được hưởng, kỹ phần của ông Thịnh còn thiếu diện tích đất là $(4,627\text{ m}^2 + 21,387\text{ m}^2) - 14,9\text{m}^2 = 11,114\text{ m}^2$, có giá trị: 333.420.000 đồng. Do các đương sự không yêu cầu chia thừa kế đối với gian nhà mái bằng của cụ Đức, cụ Thêm để lại nên ông Thịnh được sử dụng gian nhà mà không phải thanh toán giá trị cho các kỹ phần thừa kế khác. Ông Thịnh được đi qua sân nhà thờ để vào phần đất của mình.

Bà Nguyễn Thị Phúc được hưởng thừa kế của cụ Đức là 433.380.000 đồng, số tiền này do những người được hưởng thừa kế vượt quá kỹ phần phải thanh toán.

Cụ thể, ông Phương phải thanh toán cho bà Phúc 219.420.000 đồng, ông Thanh phải thanh toán cho bà Phúc 210.420.000 đồng, ông Sơn phải thanh toán cho bà Phúc 3.540.000 đồng.

Bà Dung còn thiếu $1,214\text{ m}^2$, có giá trị: 36.420.000 đồng. buộc ông Hải phải thanh toán cho bà Dung 36.420.000 đồng.

Bà Loan còn thiếu 4,014 m², có giá trị: 120.420.000 đồng, buộc ông Cường phải thanh toán cho bà Loan 120.420.000 đồng.

Ông Thịnh còn thiếu 11,114 m², có giá trị: 333.420.000 đồng, buộc ông Hải phải thanh toán cho ông Thịnh 189.000.000 đồng, ông Cường phải thanh toán cho ông Thịnh 129.000.000 đồng, ông Sơn phải thanh toán cho ông Thịnh 14.880.000 đồng.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Tiến Phương kháng cáo không đưa ra được các tài liệu, căn cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tiến Phương.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa ngày hôm nay có không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Thêm được thụ lý ngày 11/06/2009 (trước ngày Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 có hiệu lực Pháp luật) nên căn cứ Điều 20 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/06/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án”, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại Nghị định 70/CP ngày 12/06/1997 của Chính Phủ “Về án phí, lệ phí Tòa án” và các văn bản liên quan để tính án phí đối với giá trị tài sản các đương sự được hưởng thừa kế của cụ Thêm.

Đối với yêu cầu độc lập của người liên quan về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức để lại được thụ lý ngày 20/06/2018(sau khi Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 có hiệu lực pháp luật) nên cần áp dụng quy định của Pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để giải quyết về án phí.

Cụ thể: Căn cứ Khoản 1 Điều 11, Điểm đ Khoản 1 Điều 7, Khoản 3 Điều 13 Nghị định 70/CP ngày 12/06/1997 của Chính Phủ “Về án phí, lệ phí Tòa án”.

Ông Nguyễn Tiến Thịnh, ông Nguyễn Tiến Phương, bà Nguyễn Thị Loan, ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Văn Thanh, bà Nguyễn Thị Dung, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường, mỗi người được hưởng di sản thừa kế của cụ Thêm có giá trị 722.400.000 đồng nên mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được hưởng là 18.000.000 đồng + 2% x (722.400.000đồng - 500.000.000 đồng) = 22.448.000 đồng.

Căn cứ Điều 9, Điểm b Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 7 Điều 27, Khoản 1 Điều 13 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Dung, ông Nguyễn Tiến Thịnh, bà Nguyễn Thị Phúc, mỗi người được hưởng thừa kế di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức chia theo pháp luật có giá trị 433.380.000 đồng nên mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ

thảm tương ứng với giá trị tài sản được hưởng là $20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times (433.380.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) = 21.335.200 \text{ đồng}$.

Theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì những trường hợp được miễn nộp tiền án phí bao gồm:

“Điều 12. Miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án 1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí: đ) “... người cao tuổi...” Theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi thì người cao tuổi được xác định như sau: *“Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”*. Bà Nguyễn Thị Loan, sinh năm: 1959; ông Nguyễn Tiến Thịnh, sinh năm: 1952; bà Nguyễn Thị Phúc, sinh năm 1952; năm nay bà Loan 61 tuổi, ông Thịnh 68 tuổi, bà Phúc 68 tuổi. Như vậy, bà Loan, ông Thịnh, bà Phúc đủ điều kiện được hưởng chế độ của người cao tuổi; đồng thời Ông Thịnh là người có công với cách mạng (là thương binh) nên theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Hội đồng xét xử miễn án phí sơ thẩm phần di sản được hưởng này cho bà Nguyễn Thị Loan, ông Nguyễn Tiến Thịnh, bà Nguyễn Thị Phúc. Hội đồng xét xử sửa án phí sơ thẩm ở phần này đối với bà Loan.

Ông Nguyễn Tiến Phương, ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Văn Thanh, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường, mỗi người được hưởng thừa kế di sản của cụ Đức chia theo di chúc và chia theo pháp luật có giá trị là 633.540.000 đồng. Mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được hưởng là $20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times (633.540.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) = 29.341.600 \text{ đồng}$.

“Điều 12. Miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án 1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí: đ) “... người cao tuổi...” Theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi thì người cao tuổi được xác định như sau: *“Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”*. Ông Nguyễn Tiến Phương sinh năm 1956; năm nay ông Phương 64 tuổi. Như vậy, ông Phương đủ điều kiện được hưởng chế độ của người cao tuổi; Hội đồng xét xử miễn án phí sơ thẩm phần di sản được hưởng này cho ông Nguyễn Tiến Phương.

Tổng cộng án phí dân sự sơ thẩm

Bà Nguyễn Thị Dung phải chịu $22.448.000 \text{ đồng} + 21.335.200 \text{ đồng} = 43.783.200 \text{ đồng}$. Bà Dung có đơn xin miễn giảm án phí phù hợp với quy định của Pháp luật nên Hội đồng xét xử giảm cho bà Dung 50% án phí dân sự sơ thẩm, bà Dung còn phải chịu 21.891.600 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng bà Dung đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 8929 ngày 11/06/2009 và số tiền 9.750.000 đồng bà Dung đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 8431 ngày 10/09/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, bà Dung còn phải nộp tiếp 7.141.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Loan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.448.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.200.000 đồng bà Loan đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 8928 ngày 11/06/2009, bà Loan còn phải nộp tiếp 13.248.000 đồng.

Ông Thịnh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản được hưởng thừa kế của cụ Thêm là 22.448.000 đồng.

Ông Nguyễn Tiến Phương phải chịu 22.448.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Văn Thanh ông Nguyễn Tiến Cường phải chịu án phí sơ thẩm là: 22.448.000đồng +29.341.600đồng = 51.789.600 đồng

Ông Thanh, ông Sơn có đơn xin miễn giảm án phí phù hợp với quy định của Pháp luật nên được Hội đồng xét xử giảm cho 50% án phí, mỗi người còn phải chịu 25.894.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Thanh đã nộp 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 7422 ngày 20/06/2018, ông Thanh còn phải nộp tiếp 15.894.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Phúc không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Nguyễn Tiến Phương không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả cho ông Phương số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 645, 631, 633, 634, 646, 648, 649, 650, 652, 653, 657, Khoản 3 Điều 667, các điều 670, 674, 675, 676, 684, 685 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Căn cứ Khoản 5 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Khoản 1 Điều 11, Điểm đ Khoản 1 Điều 7, Khoản 3 Điều 13 Nghị định 70/CP ngày 12/06/1997 của Chính Phủ “Về án phí, lệ phí Tòa án”.
- Căn cứ Điều 20 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/06/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về “hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Điều 9, Điểm b Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 7 Điều 27, Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 13 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DSST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai và quyết định cụ thể như sau:

1.1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế nhà đất tại số 149 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng

Mai, Hà Nội, diện tích đất 160m² tại tổ 49, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội và số tiền 390.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu đồng*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Thêm để lại tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội (nay là số 8, ngách 254/7, ngõ 254, phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội) theo quy định của Pháp luật.

1.3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn Thanh về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức để lại tại số 8, tổ 1, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội (nay là số 8, ngách 254/7, ngõ 254, phố Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội) theo di chúc và theo quy định của Pháp luật.

1.4. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không tính diện tích đất 35,2m² cụ Nguyễn Tiến Đức, cụ Nguyễn Thị Thêm đã chuyển nhượng cho ông Đào Ngọc Tươi, bà Nguyễn Thị Ngà (được giới hạn bởi các điểm 43, 14', 14, 15 16, 17, 18, 19 theo sơ đồ kèm theo bản án) vào di sản của cụ Đức, cụ Thêm để chia thừa kế.

1.5. Xác định di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức, cụ Nguyễn Thị Thêm để lại gồm: 01 nhà thờ lợp ngói diện tích 34,5m², 01 sân lát gạch nung đỏ diện tích 42,9m², 01 gian nhà cấp IV đổ mái bằng diện tích 14,9m² trên diện tích đất 433,4m² tại thửa số 35, tờ bản đồ 5I-I-27, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội, đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 04/12/2001 đối với diện tích đất ở 180m², diện tích nhà ở 107m² mang tên cụ Nguyễn Tiến Đức, cụ Nguyễn Thị Thêm, có tổng giá trị là 13.077.809.000 đồng (*Mười ba tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm linh chín ngàn đồng chẵn*). Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản trên đất do cụ Nguyễn Tiến Đức và cụ Nguyễn Thị Thêm để lại.

1.6. Xác định phần di sản dùng vào việc thờ cúng gồm 01 nhà thờ lợp ngói diện tích 34,5m², 01 sân lát gạch nung đỏ diện tích 42,9m² trên diện tích đất ở 77,4m² (được giới hạn bởi các điểm điểm 31, 32, 33, 44, 45, 46, 47, 6, 5, 2'', 2', 2, 1 theo sơ đồ kèm theo bản án) thuộc quyền quản lý chung của các thừa kế của cụ Đức, cụ Thêm. Các thừa kế phải tự thống nhất cử một người quản lý di sản thờ cúng và kê khai quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

1.7. Xác định diện tích đất dùng làm ngõ đi chung cho các thừa kế của cụ Nguyễn Tiến Đức, cụ Nguyễn Thị Thêm là 100,1m² có giá trị là 3.003.000.000 đồng. Mỗi kỷ phần hưởng thừa kế bằng hiện vật được sử dụng diện tích ngõ đi chung là 12,512 m² (đất ở là 5,005 m², đất vườn 7,5007 m²), có giá trị: 375.600.000 đồng

1.8. Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất là ngày 14/11/2007, khi cụ Nguyễn Thị Thêm mất. Di sản của cụ Thêm để lại trong khối tài sản chung với cụ Nguyễn Tiến Đức có giá trị 6.501.000.000 đồng được chia theo Pháp luật.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thêm gồm: Cụ Nguyễn Tiến Đức, ông Nguyễn Tiến Thịnh, ông Nguyễn Tiến Phương, ông Nguyễn Văn Thanh, bà Nguyễn

Thị Loan, ông Nguyễn Văn Hải, bà Nguyễn Thị Dung, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường. Mỗi kỳ phần thừa kế được hưởng giá trị di sản là 722.400.000 đồng.

1.9. Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ hai là ngày 26/07/2011, khi cụ Nguyễn Tiến Đức mất.

Xác định phần di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức trong khối tài sản chung với cụ Thêm và phần di sản cụ Đức được hưởng thừa kế của cụ Thêm có giá trị 7.223.400.000 đồng được chia theo di chúc và theo Pháp luật.

Xác định phần di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức được định đoạt trong di chúc có giá trị 3.322.800.000 đồng, trừ đi diện tích đất dùng vào việc thờ cúng có giá trị 2.322.000.000 đồng, còn lại là 1.000.800.000 đồng

Xác định những người được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Tiến Đức gồm: Ông Nguyễn Tiến Phương, ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Văn Thanh, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường. Mỗi kỳ phần được hưởng giá trị di sản là 200.160.000 đồng.

Xác định phần di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức được chia theo Pháp luật có giá trị là 3.900.600.000 đồng

Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo Pháp luật của cụ Nguyễn Tiến Đức gồm: Ông Nguyễn Tiến Thịnh, ông Nguyễn Tiến Phương, ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Văn Thanh, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Dung, bà Nguyễn Thị Phúc. Mỗi kỳ phần thừa kế được hưởng giá trị di sản là 433.380.000 đồng.

1.10. Xác định giá trị di sản mỗi kỳ phần thừa kế của cụ Nguyễn Tiến Đức, cụ Nguyễn Thị Thêm được hưởng như sau: Ông Nguyễn Tiến Phương, ông Nguyễn Văn Thanh, ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường, mỗi kỳ phần được hưởng 1.355.940.000 đồng ; Ông Nguyễn Tiến Thịnh, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Dung, mỗi kỳ phần được hưởng 1.155.780.000 đồng; Bà Phúc được hưởng thừa kế giá trị di sản của cụ Đức là 433.380.000 đồng .

1.11. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức, cụ Nguyễn Thị Thêm bằng hiện vật của ông Nguyễn Tiến Phương, ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Văn Thanh, ông Nguyễn Tiến Sơn, ông Nguyễn Tiến Cường, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Dung, ông Nguyễn Tiến Thịnh.

1.12. Chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Tiến Đức, cụ Nguyễn Thị Thêm bằng hiện vật cụ thể như sau:

- Xác định diện tích ngõ đi chung có diện tích 100,1m² được giới hạn bởi các điểm 28, 27, 26, 25, 24, 23, 22, 21, 20, 19, 43, 42, 41, 40, 39, 38, 37, 36, 35, 34, 51, 50, 49, 48, 47, 46, 45, 44, 33, 32, 31, 30, 29 (theo sơ đồ kèm theo bản án).

- Chia ông Nguyễn Tiến Phương được sử dụng diện tích đất 40m² (trong đó có 8,409m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề) được giới hạn bởi các điểm 36, 37, 38, 39, 54, 55, 35, 36 (theo sơ đồ kèm theo bản án), trên đất có 01 nhà cấp IV do anh Nguyễn Tiến Phong (con trai ông Phương) xây dựng. Ông Phương và anh Phong tự thỏa thuận về việc thanh toán giá trị xây dựng nhà trên đất, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Chia ông Nguyễn Văn Thanh được sử dụng diện tích đất 39,7m² (trong đó có 8,409m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề) được giới hạn bởi các điểm 47, 48, 49, 10, 9, 8, 7, 6 (theo sơ đồ kèm theo bản án), trên đất có 01 nhà 2,5 tầng thuộc sở hữu của ông Thanh.

- Chia ông Nguyễn Tiến Sơn được sử dụng diện tích đất 33,3m² (trong đó có 8,409m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề), được giới hạn bởi các điểm 40, 41, 12, 13 (theo sơ đồ kèm theo bản án), trên đất có 01 nhà 03 tầng thuộc sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Tiến Sơn, bà Trần Thị Thủy.

- Chia ông Nguyễn Văn Hải được sử dụng diện tích đất 40,2m² (trong đó có 8,409m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề), được giới hạn bởi các điểm 41, 42, 43, 14', 14, 13 (theo sơ đồ kèm theo bản án), trên đất có 01 nhà cấp IV thuộc sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Văn Hải, bà Đào Thị Bẩy.

- Chia ông Nguyễn Tiến Cường được sử dụng diện tích đất 41,0m² (trong đó có 8,409m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề), được giới hạn bởi các điểm 39, 40, 12, 11, 53, 54 (theo sơ đồ kèm theo bản án), trên đất có 01 nhà cấp IV thuộc sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Tiến Cường, bà Nguyễn Thị Chanh.

- Chia bà Nguyễn Thị Dung được sử dụng diện tích đất 24,8m² (trong đó có 4,627m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề), được giới hạn bởi các điểm 35, 55, 54, 53, 52, 34 (theo sơ đồ kèm theo bản án) trên đất có 01 nhà cấp IV thuộc sở hữu của bà Dung.

- Chia bà Nguyễn Thị Loan được sử dụng diện tích đất 22m² (trong đó có 4,627m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề), được giới hạn bởi các điểm 51, 52, 53, 11, 10, 49, 50 (theo sơ đồ kèm theo bản án), trên có 01 giếng cạn do cụ Đức, cụ Thêm để lại.

- Chia ông Nguyễn Tiến Thịnh được sử dụng diện tích đất 14,9m² (trong đó có 4,627m² đất ở, còn lại là đất vườn liền kề), được giới hạn bởi các điểm 2', 2'', 5', 5, 4, 3, 2 (theo sơ đồ kèm theo bản án) trên có 01 gian nhà cấp IV đổ mái bằng có khu vệ sinh do cụ Đức, cụ Thêm để lại. Ông Thịnh được đi qua sân nhà thờ để vào phần đất của mình.

1.13. Buộc những người được hưởng thừa kế di sản vượt quá kỷ phần phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Phúc và giá trị kỷ phần còn thiếu cho ông Nguyễn Tiến Thịnh, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Dung. Cụ thể như sau:

Buộc ông Phương phải thanh toán cho bà Phúc 219.420.000 đồng.

Buộc ông Thanh phải thanh toán cho bà Phúc 210.420.000 đồng.

Buộc ông Sơn phải thanh toán cho bà Phúc 3.540.000 đồng.

Buộc ông Hải phải thanh toán cho bà Dung 36.420.000 đồng.

Buộc ông Cường phải thanh toán cho bà Loan 120.420.000 đồng.

Buộc ông Hải phải thanh toán cho ông Thịnh 189.000.000 đồng.

Buộc ông Cường phải thanh toán cho ông Thịnh 129.000.000 đồng.

Buộc ông Sơn phải thanh toán cho ông Thịnh 14.880.000 đồng.

Kể từ khi thanh toán xong các khoản tiền, các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo diện tích đất được chia theo bản án của Tòa án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án chưa trả được số tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Loan phải chịu 22.448.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.200.000 đồng bà Loan đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 8928 ngày 11/06/2009, bà Loan còn phải nộp tiếp 13.248.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Dung phải chịu 21.891.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng bà Dung đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 8929 ngày 11/06/2009 và số tiền 9.750.000 đồng bà Dung đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 8431 ngày 10/09/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, bà Dung còn phải nộp tiếp 7.141.600 đồng.

Ông Nguyễn Tiến Thịnh phải chịu 22.448.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tiến Phương phải chịu 22.448.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tiến Cường phải chịu 51.789.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Thanh phải chịu 25.894.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng ông Thanh đã nộp theo theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 7422 ngày 20/06/2018, ông Thanh còn phải nộp tiếp 15.894.800 đồng.

Ông Nguyễn Tiến Sơn phải chịu 25.894.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Hải phải chịu 51.789.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phúc được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.2. Án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Tiến Phương không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông Phương số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu số AA/2017/0004787 lập ngày 31/0/12019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội (Bút lục số 642).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận Hoàng Mai ;
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Như Lâm